

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày 03/10/2019

“V/v Kiện đòi tiền”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc “Kiện đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Lưu Xuân T** - Sinh năm 1964.

- Địa chỉ: Thôn S - T - L - Bắc Giang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh **Phạm Đăng K** - Sinh năm 1989.

- Địa chỉ: Thôn B - T - L - Bắc Giang. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hoàng Thị T1 - Sinh năm 1971.

- Địa chỉ: Thôn S – T - Lục Ngạn - Bắc Giang.

Chị T1 ủy quyền cho anh T.

2. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991.

- Trú quán: Khu L - TT C - L - Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lưu Xuân T trình bày:

Gia đình anh làm nghề kinh doanh cầm đồ ở Thôn S - T - L - Bắc Giang. Giữa anh và anh Phạm Đăng K có quan hệ họ hàng với nhau. Do cần tiền để sản xuất kinh doanh nên anh K có đến nhà anh đặt vấn đề hỏi vay tiền, vì là chỗ anh em họ hàng tin tưởng nên vợ chồng anh đã đồng ý cho anh K vay tiền, các lần vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 25/5/2013 (tức ngày 16/4/2013 âm lịch) vợ chồng anh cho anh K vay số tiền là 30.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền và hẹn đến ngày 30/4/2013 âm lịch sẽ trả tiền. Do vay tiền trong thời gian ngắn nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất mà không ghi cụ thể vào giấy biên nhận vay tiền. Đối với khoản vay này vợ chồng anh trực tiếp đưa tiền cho anh K, anh K là người trực tiếp nhận tiền, tự ghi và ký vào giấy biên nhận vay tiền.

Ngày 19/4/2013 và ngày 23/4/2013 âm lịch anh K lại đến nhà anh hỏi vay tiền. Do tin tưởng nên vợ chồng anh lại tiếp tục cho anh K vay hai lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền anh K đều tự mình viết số tiền vay vào bên dưới giấy biên nhận vay tiền ngày 25/5/2013. Hai khoản vay này chị Nguyễn Thị T2 là vợ anh K đã thanh toán đủ cho vợ chồng anh.

Ngày 09/6/2013 âm lịch anh K lại đến nhà anh hỏi vay tiếp số tiền là 10.000.000 đồng. Mặc dù chưa trả được số tiền vay 30.000.000 đồng của ngày 25/5/2013 nhưng do hai lần vay sau đó anh K đã thanh toán sòng phẳng nên vợ chồng anh tin tưởng nên đồng ý cho vay.

Ngày 13/6/2013 âm lịch anh K lại tiếp tục đến nhà anh hỏi vay 10.000.000 đồng. Vợ chồng anh đồng ý cho vay. Sau khi nhận tiền anh K tự viết số tiền vay vào bên dưới giấy biên nhận vay tiền ngày 25/5/2013. Đối với hai khoản vay cuối, giữa vợ chồng anh và anh K cũng chỉ thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3%/tháng và thời hạn trả nợ là một tháng kể từ ngày vay tiền.

Đến thời hạn thanh toán, không thấy anh K đến trả tiền, anh đã đến nhà anh K đòi nhiều lần nhưng anh K và chị T2 đều khát nợ và không trả tiền cho anh. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn buộc vợ chồng anh K, chị T2 phải thanh toán trả cho anh số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

*** Bị đơn anh Phạm Đăng K trình bày:**

Giữa anh và gia đình ông Lưu Xuân T không có quan hệ họ hàng, chỉ là chỗ quen biết. Ngày 25/5/2013 tức ngày 16/4/2013 âm lịch anh có vay của ông Lưu Xuân T số tiền là 30.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền là của anh. Hai bên có thỏa thuận lãi suất

nhưng không ghi vào giấy vay tiền và hẹn đến ngày 30/4/2013 dương lịch thì trả tiền. Khi anh vay tiền thì vợ anh không biết. Sau này anh đã nói cho vợ anh là chị Nguyễn thị Phương T2 biết. Đối với số tiền đã vay anh và vợ anh đã trả đủ cho ông T số tiền là 30.000.000 đồng.

Anh không thừa nhận được vay số tiền 40.000.000 đồng. Chữ viết ở phần dưới của giấy biên nhận vay tiền ngày 25/5/2013 ghi các ngày 19/4/2013, 23/4/2013, 09/6/2013, 13/6/2013 âm lịch và số tiền vay không phải do anh ghi. Ông Lưu Xuân T khởi kiện đề nghị tòa án buộc anh phải trả tổng số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh, anh không đồng ý vì số tiền này anh đã trả hết cho ông T. Anh đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T1 trình bày:**

Chị là vợ của anh Lưu Xuân T, giữa gia đình chị và anh Phạm Đăng K có quan hệ họ hàng xa với nhau, chị thừa nhận anh K có đến vay tiền của vợ chồng chị nhiều lần. Cụ thể những lần anh K vay tiền và viết giấy vay tiền như chồng chị trình bày là đúng. Đối với những khoản vay trên vợ anh K là chị T2 đã trả được 20.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả được mặc dù vợ chồng chị đã nhắc nhở nhiều lần.

Nay chị cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chồng chị đề nghị tòa án buộc vợ chồng anh K, chị T2 phải thanh toán trả cho vợ chồng chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2013 đến nay.

***Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T2:** Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, chị Thảo đã nhận được thông báo tuy nhiên chị T2 từ chối khai báo.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lưu Xuân T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Đăng K, phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471; điều 474; điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 161, Điều 162,

Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho vợ chồng anh Lưu Xuân T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho anh Lưu Xuân T số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của anh Lưu Xuân T đối với anh Phạm Đăng K.

Anh Phạm Đăng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Lưu Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lưu Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với anh Phạm Đăng K. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Đăng K và chị Nguyễn Thị Phương T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án, xét xử vắng mặt anh K, chị T2.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của anh Lưu Xuân T: Anh Lưu Xuân T đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Đăng K, phải trả cho vợ chồng anh số tiền còn nợ của ngày 25/5/2013 dương lịch là 30.000.000 đồng và khoản nợ ngày 09/6/2013 âm lịch là 10.000.000 đồng, khoản nợ ngày 13/6/2013 âm lịch là 10.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Anh Phạm Đăng K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T. Anh cho rằng số tiền đã vay anh và vợ anh đã trả đủ cho ông T số tiền là 30.000.000 đồng.

Anh không thừa nhận được vay số tiền 40.000.000 đồng. Chữ viết ở phần dưới của giấy biên nhận vay tiền ngày 25/5/2013 ghi các ngày 19/4/2013, 23/4/2013, 09/6/2013, 13/6/2013 âm lịch và số tiền vay không phải do anh ghi. Ông Lưu Xuân T khởi kiện đề nghị tòa án buộc anh phải trả tổng số tiền là

50.000.000 đồng và lãi phát sinh, anh không đồng ý vì số tiền này anh đã trả hết cho ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận vay tiền giữa anh Phạm Đăng K và anh Lưu Xuân T là có thật. Vì hai bên có làm giấy tờ vay tiền và ký nhận nợ, anh T và chị T1 đều khẳng định trong những lần vay tiền, sau khi nhận đủ tiền, anh K đều tự mình viết vào giấy biên nhận vay tiền, chữ viết và chữ ký trong các giấy vay nợ đều là chữ của anh Phạm Đăng K tự viết và ký tên. Đối với việc anh K cho rằng toàn bộ chữ viết ở phần dưới của giấy biên nhận vay tiền ngày 25/5/2013 ghi các ngày 19/4/2013, 23/4/2013, 09/6/2013, 13/6/2013 âm lịch và số tiền vay không phải do anh ghi. Tòa án đã trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 1364/KL - KTTHS ngày 26/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận: “Các chữ viết và chữ số tại mặt trước tài liệu cần giám định ký hiệu là A là do cùng một người viết ra”. Ngoài lời khai của mình anh K không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào khác thể hiện anh đã trả được hết số nợ ghi trong giấy biên nhận vay tiền do anh T cung cấp cho tòa án. Đối chiếu với toàn bộ giấy vay nợ thì tổng cộng anh K đã vay tiền của anh T là 05 lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại là 50.000.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T đối với anh Phạm Đăng K là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 471; điều 474; điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với việc chị Nguyễn Thị Phương T2 cho rằng chị không liên quan và không biết việc vay nợ giữa chồng chị và vợ chồng anh Lưu Xuân T nên chị không trình bày lời khai và không đồng ý cùng chồng để trả nợ. Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng có việc anh Phạm Đăng K vay tiền của anh Lưu Xuân T, giữa hai bên có viết giấy vay nợ. Tuy nhiên trong những lần anh K vay tiền của anh T chỉ có mình anh K hỏi vay tiền và viết và ký giấy vay nợ. Sau khi vay tiền anh K cũng không nói cho chị T2 biết, chị T2 cũng không được sử dụng số tiền mà anh K đã vay của anh T. Do vậy cần xác định khoản vay trên là khoản vay cá nhân của anh K nên anh K phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Lưu Xuân T, không có căn cứ để buộc chị T2 phải có trách nhiệm liên đới cùng anh K trả nợ cho anh T. Vì vậy cần buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho anh Lưu Xuân T, chị Hoàng Thị T1 số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

[3] Đối với việc rút yêu cầu tính lãi của khoản tiền 50.000.000 của anh Lưu Xuân T: Trong đơn khởi kiện cũng như trong lời khai ban đầu của mình anh Lưu Xuân T yêu cầu vợ chồng anh K phải có trách nhiệm trả tiền lãi với mức lãi suất là 3%/ tháng. Tuy nhiên ngày 06/8/2019 cũng như tại phiên tòa anh T xin rút yêu cầu tính lãi. Việc anh Lưu Xuân T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi của anh Lưu Xuân T.

Đối với số tiền chi phí cho việc giám định: Anh Lưu Xuân T đã nộp số tiền chi phí cho việc giám định chữ viết, chữ ký là 3.240.000 đồng. Anh T yêu cầu anh Phạm Đăng K phải trả cho anh toàn bộ số tiền trên. Xét thấy yêu cầu trên của anh Lưu Xuân T là có căn cứ nên cần buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho anh Lưu Xuân T số tiền 3.240.000 đồng là phù hợp với quy định tại điều 161; điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T được chấp nhận do vậy anh Phạm Đăng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Cần trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho anh Lưu Xuân T.

** Vì các lẽ trên:*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471; điều 474; điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T.

Buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho vợ chồng anh Lưu Xuân T số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn). Buộc anh Phạm Đăng K phải trả cho anh Lưu Xuân T số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng của anh Lưu Xuân T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Đăng K phải chịu 2.500.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Lưu Xuân T số tiền 1.200.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí số AA/2018/0005076 ngày 13/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt, niêm yết bản án.

- Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng